

Số: 05/CBTT/LKW

Long Khánh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 bis, CMT8, P. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
- Mã chứng khoán: LKW
- Điện thoại: (02513) 877 241
- Website: <http://www.capnuoclongkhanh.com.vn>
- Người công bố thông tin: **Thái Văn Sơn**
- Chức danh: Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty.
- Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (đính kèm báo cáo)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 09/02/2026 tại đường dẫn :

<https://capnuoclongkhanh.com.vn/Quanhecodong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: T.ky Cty.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Thái Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Ông Hồ Ngọc Long	Thành viên
Ông Bùi Hoàng Anh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hồ Ngọc Long	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Ngọc Long
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Số: 23/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Thanh Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2025-026-1



Lê Hoàng Mỹ Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6326-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.031.168.750	52.760.920.599
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.996.331.566	5.612.865.747
1. Tiền	111	4.1	3.996.331.566	5.612.865.747
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.000.000.000	44.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	34.000.000.000	44.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.256.818.294	1.336.395.175
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	767.159.661	692.524.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		69.752.294	84.776.983
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		544.258.098	678.337.662
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(124.351.759)	(119.244.294)
IV. Hàng tồn kho	140		1.367.661.220	1.238.466.822
1. Hàng tồn kho	141	4.4	1.367.661.220	1.238.466.822
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		410.357.670	573.192.855
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.9	410.357.670	559.417.870
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	-	13.774.985
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.208.808.318	47.892.087.632
I. Tài sản cố định	220		55.945.259.422	37.449.029.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	55.783.896.519	37.251.666.132
Nguyên giá	222		94.280.874.296	72.179.098.198
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.496.977.777)	(34.927.432.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227		161.362.903	197.362.903
Nguyên giá	228		470.000.000	470.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(308.637.097)	(272.637.097)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.545.456	9.879.995.608
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	26.545.456	9.879.995.608
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.237.003.440	563.062.989
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.237.003.440	563.062.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		99.239.977.068	100.653.008.231

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.127.134.123	11.657.412.292
I. Nợ ngắn hạn	310		14.127.134.123	11.657.412.292
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	4.794.724.804	337.827.333
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	819.489.549	927.027.676
3. Phải trả người lao động	314	4.10	1.999.756.660	2.612.778.901
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		516.551.619	326.812.143
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		812.742.704	722.908.614
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	5.183.868.787	6.730.057.625
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.112.842.945	88.995.595.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12.1	85.112.842.945	88.995.595.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.7	38.044.642.594	32.422.111.786
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.982.735.679	31.488.019.481
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		9.576.607.511	17.431.692.461
LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.406.128.168	14.056.327.020
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		99.239.977.068	100.653.008.231



Hồ Ngọc Long
Giám đốc

Trần Khánh Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thuỳ Diệu
Người lập

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	47.325.475.755	45.045.559.220
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.325.475.755	45.045.559.220
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	23.568.955.654	19.855.288.187
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.756.520.101	25.190.271.033
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.880.681.278	2.434.469.075
6. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.662.886.635	4.956.358.675
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	5.990.040.189	6.450.829.558
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.984.274.555	16.217.551.875
9. Thu nhập khác	31		403.053.972	375.614.318
10. Chi phí khác	32		274.799.543	625.434.782
11. Lợi nhuận khác	40		128.254.429	(249.820.464)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.112.528.984	15.967.731.411
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.706.400.816	1.911.404.391
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.406.128.168	14.056.327.020
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	4.129	5.107
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.5	4.129	5.107

Hồ Ngọc Long
Giám đốcTrần Khánh Dung
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thuý Diệu
Người lập

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.112.528.984	15.967.731.411
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	3.605.545.711	3.065.771.724
Các khoản dự phòng	03	5.5	5.107.465	(4.940.737)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.880.681.278)	(2.151.675.764)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.842.500.882	16.876.886.634
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		130.203.232	(656.692.558)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(129.194.398)	74.573.730
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.028.568	1.086.375.638
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.673.940.451)	(45.784.730)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(1.826.063.708)	(1.855.888.936)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.835.070.000)	(2.121.188.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.510.464.125	13.358.281.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.159.596.253)	(13.137.309.039)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	72.618.815
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(66.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.000.000.000	72.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.987.782.647	2.822.882.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.828.186.394	(4.241.807.455)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.6	(14.955.184.700)	(5.028.628.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.955.184.700)	(5.028.628.250)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(1.616.534.181)	4.087.845.873
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.612.865.747	1.525.019.874
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	4.1	3.996.331.566	5.612.865.747



Hồ Ngọc Long
Giám đốc

Trần Khánh Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thuỳ Diệu
Người lập

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Nước Long Khánh. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Nước Long Khánh thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 10 năm 2025 để thay đổi địa chỉ trụ sở chính và địa chỉ người đại diện pháp luật.

Ngày 04 tháng 07 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là LKW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	12.750.000.000	51	12.750.000.000	51
Các cổ đông khác	Việt Nam	12.250.000.000	49	12.250.000.000	49
Cộng		25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 63 (01 tháng 01 năm 2025 là: 64).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	08 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
▪ Tài sản khác	10 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, cải tạo, chi phí cấp phép khai thác nước ngầm, chi phí giấy phép môi trường và các khoản khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 2 đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí cấp phép khai thác nước ngầm được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí giấy phép môi trường được phân bổ 7 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển

Các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí vật tư xuất dùng cho hoạt động xây lắp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%;
- Dịch vụ xây lắp công trình: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	43.673.355	74.397.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.952.658.211	5.538.468.564
Cộng	3.996.331.566	5.612.865.747

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng, được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6 - 12 tháng	5,0% - 5,2% /năm	13.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6 - 12 tháng	4,5% - 4,9% /năm	10.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	6 tháng	4,1% - 4,8% /năm	6.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6 - 12 tháng	4,5%/năm	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	6 tháng	4,3%/năm	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	6 tháng	5,3%/năm	-	5.000.000.000
Cộng			34.000.000.000	44.000.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh	210.666.775	164.749.000
Các khách hàng khác	556.492.886	527.775.824
Cộng	767.159.661	692.524.824

Tại ngày 31/12/2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Hàng tồn kho

Là giá trị nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	13.546.186.345	6.526.774.463	51.584.249.572	355.887.818	166.000.000	72.179.098.198
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	22.101.776.098	-	-	22.101.776.098
Tại ngày 31/12/2025	13.546.186.345	6.526.774.463	73.686.025.670	355.887.818	166.000.000	94.280.874.296
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	9.026.457.231	3.837.998.581	21.551.652.351	345.323.903	166.000.000	34.927.432.066
Khấu hao trong năm	648.774.798	502.699.876	2.407.507.122	10.563.915	-	3.569.545.711
Tại ngày 31/12/2025	9.675.232.029	4.340.698.457	23.959.159.473	355.887.818	166.000.000	38.496.977.777
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	4.519.729.114	2.688.775.882	30.032.597.221	10.563.915	-	37.251.666.132
Tại ngày 31/12/2025	3.870.954.316	2.186.076.006	49.726.866.197	-	-	55.783.896.519

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.385.413.196 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình phát triển, cải tạo các tuyến ống cấp nước. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	9.879.995.608	516.090.911
Chi phí phát sinh trong năm	13.692.186.134	13.138.017.870
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(23.545.636.286)	(3.774.113.173)
Số cuối năm	26.545.456	9.879.995.608

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định	888.976.898	105.769.613
Chi phí cấp phép khai thác nước ngầm	544.080.251	348.148.153
Chi phí cấp giấy phép môi trường	544.588.749	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	216.696.806	77.061.881
Các khoản khác	42.660.736	32.083.342
Cộng	2.237.003.440	563.062.989

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Tín Nghĩa	2.076.507.483	2.076.507.483	40.206.081	40.206.081
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải 68	1.657.136.589	1.657.136.589	-	-
Công ty TNHH MTV Phương Phương Thịnh	480.010.134	480.010.134	29.850.381	29.850.381
Các nhà cung cấp khác (*)	581.070.598	581.070.598	267.770.871	267.770.871
Cộng	4.794.724.804	4.794.724.804	337.827.333	337.827.333

(*) Tại ngày 31/12/2025, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 VND		Số thuế GTGT phát sinh VND		Số thuế GTGT đã được khấu trừ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	410.357.670		2.162.883.844		2.311.944.044		559.417.870
	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	-	-	154.130.466	154.130.466	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	360.433.098	1.826.063.708	1.706.400.816	-	480.095.990	
Thuế thu nhập cá nhân	-	34.419.281	560.576.849	608.771.115	13.774.985	-	
Thuế tài nguyên	-	178.883.782	2.212.350.123	2.193.834.990	-	197.398.915	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	11.075.013	11.075.013	-	-	
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	245.753.388	3.110.162.946	3.106.383.563	-	249.532.771	
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	480.074.704	480.074.704	-	-	
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	
Cộng	-	819.489.549	8.357.433.809	8.263.670.667	13.774.985	927.027.676	

4.10. Phải trả người lao động

Đây là khoản tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	6.730.057.625	7.622.765.825
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.288.881.162	1.228.480.000
Chi quỹ	(2.835.070.000)	(2.121.188.200)
Số cuối năm	5.183.868.787	6.730.057.625

4.12. Vốn chủ sở hữu**4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	25.000.000.000	85.464.672	27.080.955.076	29.001.329.171	81.167.748.919
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.056.327.020	14.056.327.020
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.341.156.710	(5.341.156.710)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.228.480.000)	(1.228.480.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	25.000.000.000	85.464.672	32.422.111.786	31.488.019.481	88.995.595.939
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.406.128.168	12.406.128.168
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.622.530.808	(5.622.530.808)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.288.881.162)	(1.288.881.162)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	25.000.000.000	85.464.672	38.044.642.594	21.982.735.679	85.112.842.945

Việc phân phối lợi nhuận năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025. Trong đó, cổ tức chia cho bên liên quan là 8.238.000.000 VND – Xem thêm Mục 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.406.128.168	14.056.327.020
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.082.988.919)	(1.288.881.162)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.323.139.249	12.767.445.858
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.129	5.107

(*) Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 theo tỷ lệ trích là 16,79% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025.

4.12.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.406.128.168	14.056.327.020
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.082.988.919)	(1.288.881.162)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.323.139.249	12.767.445.858
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.129	5.107

(*) Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 theo tỷ lệ trích là 16,79% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.6. Cổ tức**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	84.825.500	113.453.750
Cổ tức phải trả	15.000.000.000	5.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(14.955.184.700)	(5.028.628.250)
Số dư cuối năm	129.640.800	84.825.500

4.12.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	32.422.111.786
Trích trong năm	5.622.530.808
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	38.044.642.594

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch (*)	45.049.974.100	43.761.095.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp	2.275.501.655	1.284.463.720
Cộng	47.325.475.755	45.045.559.220
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	37.363.500	44.850.000
(*) Khối lượng nước tiêu thụ tương ứng doanh thu	5.227.694 m ³	5.081.388 m ³

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	22.041.131.728	19.093.627.686
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây lắp	1.527.823.926	761.660.501
Cộng	23.568.955.654	19.855.288.187

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi phát sinh trong năm.

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.575.213.710	2.719.809.938
Chi phí vật liệu, dụng cụ	2.413.374.640	1.702.327.822
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.129.919	70.317.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.105.498	429.781.082
Chi phí khác bằng tiền	160.062.868	34.121.989
Cộng	5.662.886.635	4.956.358.675

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.709.120.344	3.825.593.785
Chi phí vật liệu, dụng cụ	94.021.950	70.262.406
Chi phí đồ dùng, văn phòng	129.541.455	207.613.706
Chi phí khấu hao TSCĐ	348.615.797	348.615.768
Thuế, phí và lệ phí	9.517.189	9.517.189
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	5.107.465	(4.940.737)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	532.501.161	595.235.272
Chi phí khác bằng tiền	1.161.614.828	1.398.932.169
Cộng	5.990.040.189	6.450.829.558

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.653.706.164	9.682.384.896
Chi phí nhân công	11.829.546.400	12.335.699.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.605.545.711	3.065.771.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.791.352	1.650.621.114
Chi phí khác bằng tiền	4.631.292.851	4.564.254.784
Cộng	35.221.882.478	31.298.732.258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	14.112.528.984	15.967.731.411
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	276.000.000	386.968.816
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	14.388.528.984	16.354.700.227
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)</i>	11.713.049.809	13.595.356.539
<i>Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)</i>	2.675.479.175	2.759.343.688
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.706.400.816	1.911.404.391
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.706.400.816	1.911.404.391

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí tính thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, chiếm phần lớn doanh thu và được thực hiện tại một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Nai. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không thuyết minh báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ sau cùng
2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty mẹ
3. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty con của Công ty mẹ sau cùng
4. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	37.363.500	44.850.000
Chia cổ tức – Xem thêm Mục 4.12.1:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	7.650.000.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	588.000.000	196.000.000
Cộng	8.238.000.000	2.746.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND			Năm 2024 VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Nguyễn Quang Minh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/04/2024)	-	-	-	28.000.000	-	28.000.000
Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/04/2024)	96.000.000	-	96.000.000	68.000.000	-	68.000.000
Ông Hồ Ngọc Long	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	72.000.000	-	72.000.000	72.000.000	-	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	72.000.000	443.030.000	515.030.000	72.000.000	425.129.000	497.129.000
Ông Nguyễn Văn Hoà	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	72.000.000	435.935.000	507.935.000	72.000.000	394.850.000	466.850.000
Ông Bùi Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	72.000.000	-	72.000.000	72.000.000	-	72.000.000
Bà Trần Khánh Dung	Kế toán trưởng	-	401.846.000	401.846.000	-	375.770.000	375.770.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	-	60.000.000	60.000.000	-	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	4.440.000	52.440.000
Bà Lê Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	-	48.000.000
Cộng		540.000.000	1.280.811.000	1.820.811.000	540.000.000	1.200.189.000	1.740.189.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2024 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2024 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.107	5.110
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.107	5.110

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty xác định lại Quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10/04/2025 nên đã làm thay đổi lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu của năm 2024. Do đó, lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 trình bày để so sánh đã được điều chỉnh lại tương ứng.

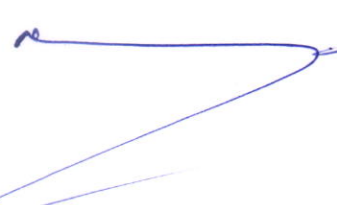
9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.





Hồ Ngọc Long
Giám đốc



Trần Khánh Dung
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thuý Diệu
Người lập

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

RSM Vietnam

Ho Chi Minh City Head Office
3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147 Bis Hai Ba Trung Street
Xuan Hoa Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building
No. 302 Cau Giay Street
Cau Giay Ward
Ha Noi City, Vietnam

T +8424 3795 5353
contact_hn@rsm.com.vn

Da Nang Office
3rd Floor, Miki Building
No. 77-79 Ho Trung Luong Street
Hoa Xuan Ward
Da Nang City, Vietnam

T +84236 3939 539
contact_dn@rsm.com.vn

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction. The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug. This email is only intended for the person(s) to whom it is addressed and may contain confidential information. Unless stated to the contrary, any opinions or comments are personal to the writer and do not represent the official view of the company. If you have received this email in error, please notify the company immediately by reply email and then delete this message irretrievably from your system. Please do not copy this email or use it for any purposes or disclose its contents to any other person. Any person communicating with the company by email will be deemed to have accepted the risks associated with sending information by email being interception, amendment and loss as well as the consequences of incomplete or late delivery.